BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3127 /QĐ-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương năm 2026 (lần 2)

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Căn cứ Quyết định số 3125 /QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương điều chỉnh năm 2026 (lần 2);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương điều chỉnh năm 2026 (lần 2).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Đoàn Trung Kiên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu số 01.b/PB

PHỤ LỤC

CÔNG BỐ CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐIỀU CHỈNH (LẦN 2) NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3107 /QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt dự toán (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ước lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm2025 (không bao gồm số đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước nếu có)	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư/dự toán				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
A	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**								**4.243.314**	**3.957.806**	**2.553.643**	**1.138.877**	**1.329.418**	**-**	**-**	**6.053**	**6.053**	**1.329.418**	**-**	4.449	
	Vốn trong nước								**1.893.314**	**1.842.806**	**438.643**	**811.224**	**645.310**	**-**	**-**	**6.053**	**6.053**	**645.310**	**-**	**4.449**	
	Vốn nước ngoài, trong đó:								**2.350.000**	**2.115.000**	**2.115.000**	**327.653**	**684.108**	**-**	**-**	**-**	**-**	**684.108**	**-**	**-**	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi								*2.350.000*	*2.115.000*	*2.115.000*	*327.653*	*684.108*	**-**	**-**	**-**	**-**	*684.108*	**-**	**-**	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước								-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	**Vốn ngân sách nhà nước**								**4.243.314**	**3.957.806**	**2.553.643**	**1.138.877**	**1.329.418**	**-**	**-**	**6.053**	**6.053**	**1.329.418**	**-**	4.449	
	Vốn trong nước								**1.893.314**	**1.842.806**	**438.643**	**811.224**	**645.310**	**-**	**-**	**6.053**	**6.053**	**645.310**	**-**	**4.449**	
	Vốn nước ngoài, trong đó:								**2.350.000**	**2.115.000**	**2.115.000**	**327.653**	**684.108**	**-**	**-**	**-**	**-**	**684.108**	**-**	**-**	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi								*2.350.000*	*2.115.000*	*2.115.000*	*327.653*	*684.108*	**-**	**-**	**-**	**-**	*684.108*	**-**	**-**	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước								-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	**Vốn ngân sách nhà nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực**								**4.243.314**	**3.957.806**	**2.553.643**	**1.138.877**	**1.329.418**	**-**	**-**	**6.053**	**6.053**	**1.329.418**	**-**	**4.449**	
	Vốn trong nước								**1.893.314**	**1.842.806**	**438.643**	**811.224**	**645.310**	**-**	**-**	**6.053**	**6.053**	**645.310**	**-**	**4.449**	
	Vốn nước ngoài, trong đó:								**2.350.000**	**2.115.000**	**2.115.000**	**327.653**	**684.108**	**-**	**-**	**-**	**-**	**684.108**	**-**	**-**	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi								*2.350.000*	*2.115.000*	*2.115.000*	*327.653*	684.108	**-**	**-**	**-**	**-**	684.108	**-**	**-**	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước								-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	
1.1	**Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp**								**4.243.314**	**3.957.806**	**2.553.643**	**1.138.877**	**1.329.418**	**-**	**-**	**6.053**	**6.053**	**1.329.418**	**-**	**4.449**	
	Vốn trong nước								*1.893.314*	*1.842.806*	*438.643*	*811.224*	*645.310*	**-**	**-**	*6.053*	*6.053*	*645.310*	**-**	*4.449*	
	Vốn nước ngoài, trong đó:								*2.350.000*	*2.115.000*	*2.115.000*	*327.653*	*684.108*	**-**	**-**	**-**	**-**	*684.108*	**-**	**-**	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi								*2.350.000*	*2.115.000*	*2.115.000*	*327.653*	*684.108*	**-**	**-**	**-**	**-**	*684.108*	**-**	**-**	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	**Đại học Đà Nẵng**																				

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt dự toán (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ước lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm2025 (không bao gồm số đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước nếu có)	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư/dự toán				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
(1)	Tiểu dự án 1 Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các công trình cấp thiết cho Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý - Điện Ngọc, vay vốn WB thuộc dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các công trình cấp thiết cho Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý - Điện Ngọc	TP Đà Nẵng	KBNN Khu vực XIII	ĐHĐN	7872797	081	2021-2027	424/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2025	2.814.460	2.533.014	2.465.000	481.052	747.418	-	-	-	6.053	741.365	-	-	
	Vốn trong nước								464.460	418.014	350.000	153.399	63.310				6.053	57.257			
	Vốn nước ngoài, trong đó:								2.350.000	2.115.000	2.115.000	327.653	684.108	-	-			684.108	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi								*2.350.000*	*2.115.000*	*2.115.000*	*327.653*	*684.108*					*684.108*			
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																	-			
(2)	Dự án Bồi thường, GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu vực 31,05ha phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng của ĐHĐN	TP Đà Nẵng	KBNN Khu vực XIII	ĐHĐN	8123474	081	2024-2028	330/QĐ-BGDĐT ngày 05/02/2025	794.653	794.653	65.641	65.641	582.000	-	-	-	-	582.000	-	-	
	Vốn trong nước								794.653	794.653	65.641	65.641	582.000					582.000			
	Vốn nước ngoài, trong đó:								-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																	-			
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																	-			
2	**Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Nam Định**																				
(3)	Dự án Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định (giai đoạn 2) - Đầu tư xây dựng nhà nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và thư viện	Ninh Bình	KBNN Khu vực V - PGD số 4	Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Nam Định	8211881	081	2026	477/QĐ-ĐHSPKTNĐ ngày 05/8/2026	791	791	-	-	-	-	-	-	791	-	791	-	-	Vốn kế hoạch chuẩn bị đầu tư
	Vốn trong nước								791	791							791		791			
	Vốn nước ngoài, trong đó:								-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																	-			
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																	-			
3	**Trường Đại học Tây Bắc**																				
(4)	Dự án đầu tư Xây dựng hoàn thiện Trường Đại học Tây Bắc	Sơn La	KBNN Khu vực X	Trường Đại học Tây Bắc	7075436	081	2004-2023	2123/QĐ-BGDĐT ngày 27/4/2004	627.533	627.533	22.000	591.182	-	-	-	-	4.449	-	4.449	-	4.449	
	Vốn trong nước								627.533	627.533	22.000	591.182					4.449		4.449		4.449	
	Vốn nước ngoài, trong đó:								-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																	-			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án/Quyết định phê duyệt dự toán (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ước lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm2025 (không bao gồm số đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước nếu có)	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư/dự toán				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
									Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																	-			
4	**Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo**																				
(5)	Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cơ sở II - Trường Đại học Vinh	Nghệ An	KBNN Khu vực I	Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo	8012097	081	2026-2027	856/QĐ-QLCDA ngày 29/9/2026; 938/QĐ-QLCDA ngày 22/10/2026	5.877	1.815	1.002	1.002	-	-	-	813	-	813	-	-	Vốn kế hoạch chuẩn bị đầu tư
	Vốn trong nước								5.877	1.815	1.002	1.002				813		813			
	Vốn nước ngoài, trong đó:								-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi																	-			
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước																	-			

Ghi chú: (*) Ghi theo Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng